

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/DSST

Ngày: 11-10-2019

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Nguyễn Văn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019, về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thanh H, sinh năm: 1962

Địa chỉ: ấp KN, xã TKĐ, thành phố SĐ, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng Th (T), sinh năm: 1974.

Địa chỉ: ấp TB, xã TKT, huyện LV, tỉnh ĐT.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Bùi Lê Minh T, sinh năm: 1988

HKTT: Ấp LT2, xã ML, huyện CB, tỉnh TG.

Tạm trú tại: ấp TB, xã TKT, huyện LV, tỉnh ĐT.

Người đại diện hợp pháp của anh T: Bà Bùi Thị Thanh H, sinh năm: 1962. ấp KN, xã TKĐ, thành phố SĐ, tỉnh ĐT, là người đại diện theo uỷ quyền (theo văn bản uỷ quyền ngày 10/6/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh H đồng thời là người đại diện hợp pháp của anh Bùi Lê Minh T trình bày:*

Vào ngày 25/7/2018 (âm lịch) anh Nguyễn Hoàng Th (tên gọi khác là Nguyễn Hoàng T) có vay của bà H và anh T số tiền là 170.000.000đ, ngoài ra anh Th còn bảo lãnh cho chị MT số tiền 27.000.000đ, nên biên nhận ghi số tiền tổng cộng là 197.000.000đ (Một trăm chín mươi bảy triệu đồng),thoả thuận lãi suất 3%/tháng. Khi vay tiền anh Th có ký tên vào biên nhận nợ, trong biên nhận không ghi thời hạn trả vốn nhưng thoả thuận miệng là khi nào bà H và anh T muốn lấy lại vốn thì thông báo trước. Sau khi vay tiền anh Th mới chỉ đóng được số tiền là 17.000.000đ tiền lãi thì không đóng lãi nữa nên bà H và anh T đòi anh Th trả lại tiền gốc nhưng anh Th nói rằng không còn khả năng chi trả. Nay bà H và anh T thống nhất số tiền chị MT nợ bà H và anh T 27.000.000đ thì bà H và anh T tự đòi chị Mỹ Trang và đồng ý trừ số tiền mà em của bà H là BC mượn là 20.000.000đ. Còn lại số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) thì anh Th phải trả cho bà H và anh T và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên Toà hôm nay bà H và anh T thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu anh Th trả cho bà H và anh T số tiền còn nợ là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Việc bà H thay đổi yêu cầu trên là do bà trình bày thiếu số tiền trừ cho em bà H là Bé Chín nợ là 30.000.000đ nên số tiền vốn anh Th nợ chỉ còn lại là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Về số tiền lãi bà H và anh T đã nhận thì bà H và anh T thống nhất tính lãi theo lãi suất 0,833%/tháng đối với số tiền vay gốc là 170.000.000đ, tính đến ngày xét xử hôm nay nếu bà H và anh T đã nhận dư thì đồng ý trừ vào tiền vốn, còn nếu nhận chưa đủ thì bà H và anh T cũng không yêu cầu tính lãi tiếp.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/7/2019, bị đơn anh Nguyễn Hoàng Th trình bày:* Thừa nhận anh Nguyễn Hoàng Th (tên gọi khác T) có ký tên vào tờ biên nhận đề ngày ngày 25/7/2018al, khi ký tên anh Th ghi là Nguyễn Hoàng T là tên thường gọi. Tờ biên nhận là do bà H soạn sẵn nội dung rồi kêu anh Th ký tên, số tiền trong biên nhận anh Th không biết là bao nhiêu. Trước đây anh Th và bà H có làm ăn chung với nhau, bà H đưa tiền để anh Th cho vay lại. Anh Th thừa nhận có nợ tiền của bà H nhưng chỉ nợ khoảng vài chục triệu nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu, số tiền ghi trong biên nhận là không đúng. Nay anh Th không đồng ý trả tiền vay gốc cho bà H và anh T theo như yêu cầu của bà H và anh T. Anh Th chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền còn nợ, sau khi đã đối chiếu sổ sách với bà H xong còn nợ bao nhiêu anh Th mới đồng ý trả. Anh Th yêu cầu để cho anh Th thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án lấy lời khai để anh Th và bà H và anh T đối chiếu lại sổ sách, tổng kết lại số tiền mà anh Th còn nợ bà H. Nếu sau khi đối chiếu xong bà H và anh T không đồng ý mà vẫn tiếp tục yêu

cầu anh Th trả số tiền trên thì anh Th sẽ đến Toà án để trực tiếp trình bày với Toà án.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng để nghị án. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án cũng đã triệu tập bị đơn hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà đủ cơ sở xác định vào ngày 25/7/2018a, anh Nguyễn Hoàng Th (Tuấn) có làm biên nhận để vay của bà H và anh T số tiền là 170.000.000đ và anh Th bảo lãnh cho chị Trang số tiền 27.000.000đ, tổng cộng là 197.000.000đ (Một trăm chín mươi bảy triệu đồng), anh Th cũng đã thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên là do anh Th ký và viết. Nay bà H và anh T khởi kiện chỉ yêu cầu anh Th trả số tiền gốc còn nợ là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Anh Th cho rằng có nợ tiền bà H và anh T nhưng số tiền không phải như bà H và anh T khởi kiện nhưng anh Th không có chứng cứ để chứng minh. Anh Th cũng không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và anh T. Nay bà H và anh T yêu cầu anh Th có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi là có căn cứ và phù hợp pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H và anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên Tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Lập Vò, nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H và anh T khởi kiện yêu cầu anh Th có nghĩa vụ trả số tiền vay và cung cấp cho Toà án biên nhận vay tiền. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản. Bị đơn có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lập Vò nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Hoàng Th (T) đến phiên toà lần thứ hai nhưng anh Th vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Hoàng Th (T).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Bùi Thị Thanh H và anh Bùi Lê Minh T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Hoàng Th có nghĩa vụ trả số tiền vay và cung cấp cho Tòa án biên nhận đề ngày 25/7/2018 al. Anh Nguyễn Hoàng Th thừa nhận biên nhận này do chính anh Th ký và viết họ tên xác nhận. Do đó, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Hai bên xảy ra tranh chấp là do bà H và anh T cho rằng anh Th còn nợ bà H và anh T số tiền là 140.000.000đ đến nay chưa trả. Còn anh Th trình bày trong biên bản ghi lời khai ngày 19/7/2019 cho rằng anh Th có nợ tiền bà H và anh T nhưng không đến số tiền theo như bà H và anh T khởi kiện. Việc anh Th cho rằng không có nợ bà H và anh T số tiền như yêu cầu của bà H và anh T nhưng anh Th không có chứng cứ nào để chứng minh là anh Th không có nợ số tiền trên, cũng không trình bày là anh Th còn nợ bà H và anh T là bao nhiêu tiền. Anh Th yêu cầu cho anh thời hạn 15 ngày để anh đối chiếu lại sổ sách với bà H tuy nhiên đến nay anh Th cũng không đối chiếu sổ sách với bà H và anh T. Cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh anh Th không còn nợ bà H và anh T số tiền theo như bà H và anh T khởi kiện. Anh Th cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình.

Như vậy, yêu cầu của bà H và anh T là có căn cứ nên chấp nhận. Lời khai nại của anh Th là không có căn cứ. Do đó, buộc anh Nguyễn Hoàng Th (T) phải có nghĩa vụ trả cho bà H và anh T số tiền còn nợ là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) theo như yêu cầu của bà H và anh T mới là phù hợp.

[2.3]. Về lãi suất: Bà H và anh T thừa nhận đã nhận lãi của anh Th 08 tháng với số tiền 17.000.000đ. Tại phiên toà bà H và anh T thống nhất tính lãi từ ngày 25/7/2018al đến ngày xét xử hôm nay 11/10/2019 với lãi suất 0,833% đối với số tiền vay gốc là 170.000.000đ nếu bà H và anh T nhận vượt thì đồng ý trừ vào tiền vốn, còn nếu chưa tới thì bà H và anh T không yêu cầu tính lãi tiếp.

Tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 25/7/2018al (ngày 04/9/2018dl đến 11/10/2019dl) là 13 tháng 07 ngày như vậy tiền lãi sẽ là: 170.000.000đ x 0,833% x 13 tháng 07 ngày là 18.739.000đ trừ đi số tiền lãi bà H và anh T đã nhận là 17.000.000đ còn dư là 1.739.000đ. Do bà H và anh T không yêu cầu nhận lãi tiếp, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà H và anh T và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[3] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng Th (T) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Bùi Thị Thanh H và anh Bùi Lê Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Thanh H và anh Bùi Lê Minh T.

Buộc anh Nguyễn Hoàng Th (T) có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Thanh H và anh Bùi Lê Minh T số tiền vay gốc là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Hoàng Th (T) phải chịu 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị Thanh H và anh Bùi Lê Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số BH/2018/0000283 ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CC.THADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: HSVA, VP.

Phan Văn Nội